TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2017
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị N – anh P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Huề
2. Ông Nguyễn Văn Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh phụ .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mai -Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLST- HNGĐ ngày 05/4/2017 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1983

ĐKNKTT: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1985

ĐKNKTT: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình
(*Tại phiên tòa có mặt chị N, vắng mặt anh P).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2017 và ngày 30/3/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Chị Lê Thị N trình bày: Chị và Anh Phạm Văn P tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2012 tại UBND xã Q. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do Anh Phạm Văn P lười không chịu làm ăn và hay đi đánh cờ bạc, đêm về sinh sự đánh, chửi chị. Chị N đã khắc phục mâu thuẫn là bảo chồng chịu khó làm ăn nhưng anh P không nghe và đến giờ vợ chồng đã ly thân được gần bốn năm rồi. Nay xác định tình cảm vợ, chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh P. Về con chung: Vợ, chồng không có con chung, hiện tại chị cũng không có thai nghén gì. Về tài sản chung: Chị và

anh P không có tài sản chung, không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay tài sản gì, chị không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

Trong biên bản lấy lời khai vào ngày 19/4/2017 Anh Phạm Văn P trình bày: Về hoàn cảnh, điều kiện đăng ký kết hôn như chị N đã khai là hoàn toàn đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 05 tháng thì chị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, sau đó chị N có điện thoại nói chuyện với anh là vợ, chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cũng từ đó chị N không quay lại nhà anh lần nào. Anh thấy chị N tự ý bỏ nhà đi, không xin phép và thông báo cho ai biết nên anh cũng không đi tìm chị N quay trở về. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh xác nhận tình cảm vợ, chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị N. Về con chung: Vợ, chồng không có con chung. Về tài sản chung: Vợ, chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay tài sản gì, anh không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

Tại biên bản xác minh vào ngày 17/5/2017 tại UBND xã Q thể hiện: Hiện nay anh P có mặt tại địa phương, anh P đã biết việc chị N có đơn xin ly hôn với anh nhưng vẫn không đến Tòa án để làm việc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh P. Chị N và anh P không có con chung, không có tài sản chung và không vay nợ của ai. Tại biên bản xác minh vào ngày 17/5/2017 tại UBND xã Đ thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng chị N anh P đã trở nên trầm trọng, sống ly thân trong thời gian dài đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh P. Chị N và anh P không có con chung, không có tài sản chung và không vay nợ của ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn vắng mặt, do vậy Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho chị N được ly hôn anh P. Về quan hệ con chung: Chị N, anh P không có con chung nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Anh Phạm Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và Anh Phạm Văn P tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì mâu thuẫn phát sinh và không giải quyết được. Lý do: Vợ

chồng sống với nhau không hợp, bất đồng quan điểm, hai vợ chồng sống ly thân được gần bốn năm. Nay chị N có đơn xin ly hôn với anh P, anh P cũng nhất trí ly hôn. Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q và UBND xã Đ, huyện Đ đều thể hiện: Tình cảm giữa chị N và anh P không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Điều này chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị N, anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống với nhau được nữa. Do vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh P là phù hợp với điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Con chung: Chị N, anh P không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung, riêng và nợ: Chị N, anh P đều khai không có tài sản chung, riêng, nợ và không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Lê Thị N được ly hôn Anh Phạm Văn P.

2. Án phí: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Chuyển số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số: 0003246 ngày 05/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí, nghĩa vụ án phí của chị N đã thi hành xong.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Q
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quang Trác